NĂM THỨ NĂM SỐ 195 Thứ Năm, 12 tháng Bảy 1945

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

MỤC LỤC Số 195

Một thiên ái quốc — *Phan Bội Châu*

Từ việc chấm câu đến cái lầm... — *Mãn Khánh Dương Kỵ*

Đại nam dật sự (LXV) — *Nguyễn văn Tố*

Ai Sơn Hành — *Phó bảng Kiều Oánh Mậu*

Tài liệu định chính bài văn cổ (LXXXVI) — *Ứng-hòe*

Giấy bạc và tượng chất — *Ngô Công*

Việt nam văn học sử (LXVI) — *Nguyễn văn Tố*

Một án « Thông phỉ » (I) — *Tiên Đàm*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng

Vũ-ngọ-Cừ 40, phố Đông-kinh — Hải-dương

MỘT THIÊN ÁI QUỐC

(Di-văn của cụ Phan-Bội-Châu)

Khải-Sinh Dương-Tự-Quán sao lục

Nay ta hát, một thiên ái quốc,
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta.
Trang nghiêm bốn mặt sơn hà,
Ông cha ta để cho ta lọ vàng.
Trải mấy thuở tiền vương dựng mở,
Bốn ngàn năm rãi gió dầm mưa,
Biết bao công của người xưa,
Gang sông tấc núi rãi rưa ruột tằm.
Hào Đại - hải âm thầm trước mặt,
Giải Cửu-long quanh quất miền tây,
Giang-sơn bờ cõi rộng thay,
Bên kia Vân Quảng, bên này Côn-Lôn.
Vẻ gấm vóc giang sơn thêm đẹp,
Những ước-mong cơ nghiệp dài lâu,
Giống khôn há phải đàn trâu,
Giang sơn nỡ để người đâu vẫy vùng!
Non nước ấy biết bao máu mủ.
Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang,
Cờ ba sắc xứ Đông-dương,
Trông càng thêm nhục, nói càng thêm thương!
Nhục vì nước càng thương người trước,
Nông nỗi này non nước cùng oan,
Hồn ơi về với giang san,
Muôn người muôn tiếng hát ran câu này:
Hợp muôn sức ra tay quang phục,
Quyết một phen rửa nhục máu thù.
Một thiên ái quốc reo hò,
Xin người ta hãy quyết cho một lòng.

TỪ VIỆC CHẤM CÂU ĐẾN ĐỔI CÁI LÀM CỦA NHÀ SỬ-HỌC GEORGES MASPERO

Mãn-khánh DƯƠNG KỲ

CÁC cụ xưa viết văn chữ hán, không chịu chấm câu, không chịu làm dấu tên đất tên người, thực đã làm một việc kỳ-quặc và đã để lại lắm chuyện lôi-thôi.

Người ta kể lại rằng hồi trước, khi mà trong quan-trường thỉnh-thoảng còn có đôi người thông-minh, thanh liêm, biết thương kẻ trị hạ, trong thời mộng-tưởng ấy, có một phú ông ngày đêm băn khoăn lo nghĩ về cái gia-tài khổng lồ của mình. Nguyên phú-ông chỉ sinh một gái, đã gả đi lấy chồng. Mãi đến khi phú ông gần bảy mươi tuổi, thì cô hầu non mới sinh được một trai, đặt tên là Phi. Phú ông biết mình chẳng bao lâu sẽ chết, muốn để gia-tài lại cho con trai nhưng sợ chàng rể tham lam tìm cách hại cậu Phi để đoạt tất cả gia tài. Sau Phú-ông tìm ra một kế, liền gọi chàng rể đến bảo cho hay rằng định để gia-tài lại cho nó, và giao cho một tờ chúc thư như thế này: « Dư-kim thất thập tuế, sinh đắc nhất nam, phi ngô tử dã, kỳ gia-tài giao dữ tế. Ngoại nhân bất đắc xâm tranh ».

Tuy chúc-thư vắn-tắt như thế, nhưng chàng rể cho là đủ nghĩa lắm rồi vì chàng ta ngắt câu và cắt nghĩa như thế này:

« Dư kim thất thập tuế, sinh đắc nhất nam, phi ngô tử dã, kỳ gia-tài giao dữ tế. Ngoại nhân bất đắc xâm tranh ». (Ta nay bảy mươi tuổi, sinh được một trai, không phải con ta vậy. Gia-tài nầy giao cho rể. Người ngoài không được tranh dành).

Chẳng bao lâu phú ông chết, chàng rể nắm gia-tài. Nhưng trước khi nhắm mắt phú ông gọi riêng cô hầu đến dặn rằng:

« Ta đã để tất cả gia-tài lại cho thằng Phi đấy. Nương nàng phải chịu nhẫn nhục nuôi nó cho lớn. Đến khi nó trưởng thành thì hãy đi tìm một ông quan công-minh, nhờ xét cho sẽ được ».

Nàng hầu vâng lời theo hiểu cho rõ-ràng, những lời trối dặn nhưng vẫn ghi-nhớ lấy. Nàng đợi, đợi mãi, đến khi cậu Phi đã lớn thì mới gặp được một ông quan nổi tiếng công-minh. Nàng đem chuyện mình kể ở với quan. Quan tỏ vẻ sự-sự đầu đuôi, rồi đòi chàng rể cô hầu cậu Phi đến để xử việc gia-tài ấy. Quan ngắt câu và cắt nghĩa tờ chúc thư như thế này:

« Dư kim thất thập tuế, sinh, đắc nhất nam, Phi, ngô tử dã. Kỳ gia-tài giao dữ, Tế, ngoại nhân bất đắc xâm tranh » (Ta nay bảy mươi tuổi, sinh được một trai, Phi, là con ta vậy. Gia-tài nầy giao cho (Phi). Rể là người ngoài, không được tranh-dành).

Chàng rể ngã ngửa, không ngờ mình bị dánh lừa từ bấy đến nay, đành phải trả gia-tài lại cho em vợ.

***

Chuyện trên chỉ kể lại cho vui. Chứ các chuyện sau nầy mới thực quan-hệ, sách sử chép lại rõ ràng, và nạn-nhân của việc sách chữ Hán không chịu chấm câu, không phải là một chàng rể tham-lam nào, mà lại chính là nhà sử-học nổi danh, ông Georges Maspéro. Ông nầy, nguyên là nhà khảo sử ở Đông-dương; có viết một bộ sử nước Chiêm-thành, nhan đề là « Le Royaume de Champa » (Edition G. Van Oest, Paris et Bruxelles) Bộ sử nầy thoạt tiên đăng ở Thông-Báo (T'oung Pao ou Archives concernant l'histoire, les langues, la géographie et l'ethnographie de l'Asie orientale) rồi sau hai lần in thành sách và đã được các nhà khảo-cổ trứ danh như Léonard Aurousseau, Louis Finot phê-bình trong Kỷ-yếu của Trường Viễn-Đông bác-cổ (B. É F. E. O)

1°) Chế-Bồng-Nga chưởi luôn mồm. — Trong « Le Royaume de Champa », trang 211, Maspéro thuật việc Lê Đạc, chức kinh doãn ở Thăng-long, bị Chế-Bồng-

Nga bắt sống trong năm 1378 (Xương-phù thứ hai). Nhà sử-học ấy đã dùng sử-cũ ta làm tài-liệu. Về việc ấy, sách « Khâm-Định Việt-Sử-Thông-Giám-Cương-Mục » (tôi xin gọi tắt Cương-Mục cho tiện) viết như thế nầy quyển 10 tờ 44 a),

« Kinh-doãn Lê-Dác vi sở hoạch, bức hình hạ bái. Dác viết : « Ngã đại quốc thần bà bái nhữ vi ». Mạ bất tuyệt khẩu. Tặc đại nộ sát chi » (Chức Kinh-doãn Lê-Dác bị giặc bắt và ép lạy. Dác nói : « Ta làm quan một nước lớn, sao lại lạy mầy được ; » Rồi luôn mồm chửi rủa. Giặc giận lắm, đem giết).

Rõ ràng như thế. Nhưng Maspéro không chịu ngắt câu như tôi vừa làm (ngắt ngang chữ vi ; bà bái nhữ vi) nên đã đề vào miệng Lê-Dác một câu bả lời kỳ-quặc như thế nầy :

« Ông quan một nước như nước ta lại tì lạy một *người luôn mồm chửi rủa như mầy hay sao ?* » (Comment un dignitaire d'un pays tel que le mien se prosternerait il devant toi qui ne cesses de proférer des injures ?).

Chửi đây là Lê-Dác chửi, chứ phải Chế-Bồng-Nga chửi đâu ? Có chửi mà chết như thế thì mới được vua phong tước « Mạ-Tặc-Trung-Võ-Hầu » chứ. (Cương-Mục quyển 10 tờ 44 a Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư quyển 8 tờ 1 b, Đại-Việt-Sử-Ký quyển 8) (1).

Lỡ dĩ ông Maspéro lầm ngờ như thế là vì không hiểu rõ câu văn chữ Hán, và không khảo thêm hai bộ sử cổ giá trị ta là « Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư » và Đại-Việt-Sử-Ký » (2) Hai bộ ấy đều viết :

« Dác viết : « Ngã đại quốc thần, bà bái nhữ vi ». Tặc đại nộ sát chi. Dác mạ bất tuyệt khẩu (Dác nói : « Tao làm quan một nước lớn, sao lại đi lạy mầy ! « Giặc giận lắm đem giết. Dác chửi rủa luôn mồm).

Trong hai sách nầy, chữ « mạ » (chửi) cách xa chữ « nhữ » (mầy) như thế, thì, nếu thư Maspéro có đọc đến, dù xem chữ Hán đen thế nào, ông cũng không đọc được « nhữ vi mạ bất tuyệt khẩu » rồi dịch rằng : « mầy chửi luôn mồm » (toi qui ne cesses de proférer des injures).

Nếu các cụ xưa ngắt câu cho rõ ràng chịu khó dùng thêm dấu như kiểu dấu ngoặc kép ta thường dùng bây-giờ để « mở » và « đóng » lời nói của Lê-Dác, thì đâu đến nỗi Maspéro phải lầm như thế.

Tôi không có đủ tài-liệu để biết rõ lánh-tính của Chế-Bồng-Nga, nhưng nếu một nhà viết lịch-sử tiểu-thuyết nào mà bằng vào sách của ông Maspéro để tả Chế-Bồng-Nga thành một người thô-tục, thì cũng tội-nghiệp cho ông vua Chàm anh hùng ấy quá !

2.) *Chức Tư-Cai* — Vẫn trong cuốn « Le Royaume de Champa » Ở trang 256 nhơn thuật việc vua Lê Thánh-tông đại-phá quân Chàm trong năm 1471 (Hồng-đức thứ hai), ông Maspéro có dịch tờ sắc của nhà vua gởi cho quan Thừa-tuyên-sứ Phủ An-trường về việc thâu thêm lương cho binh lính. Nguyên-văn tờ Sắc ấy thấy chép trong « Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư » (quyển 12 các tờ 54 b 55 a) và « Tây-Nam-Biên-Tái-Lục » (quyển 2) (3) ; « Cương Mục » (quyển 21 tờ 39 a) chỉ lược chép thôi. Tưu-trung có một đoạn như thế nầy :

« Trách sở thu hựu chưng vi thục mễ ; vật yêm thời (4) nhật đệ nạp Sử tỉ. Cai quan khỉ tạo thảo xá, nghiệm thực lượng nhập, cụ bổn tấu vấn. Cấm hữu bỏ dào, định vi trăm thủ ». (Số gạo thu phải bấp cho chín, đừng mất thời-giờ đem nạp tại Sử tỉ (tỉ quan Sử). Quan ấy dựng nhà tranh, xét cho thực, đong đồ vào rồi làm sớ tâu về Triều. Ai dám trốn tránh thì chém).

Nhưng ông Maspéro lại dịch đoạn ấy ra như thế nầy ;

« Trong hạng mười ngày nhà-người phải lo thu và nấu cho xong,

(Xem tiếp trang 14)

---

1) Tôi không chưa số tờ của sách Đại-Việt-Sử-Ký là vì tôi không có sách in. Chỉ đọc được bộ sách viết tay số 85 của Bảo-Đại thư-viện (Huế) thôi.

2) Không hiểu tại sao ông Maspéro lại chưa rằng có đọc hai bộ sách ấy.

3) Sách viết tay 75 của Bảo-Đại thư-viện (Huế), không đề tên tác-giả. Có cả thảy 2 cuốn thuật những việc xảy ra giữa người Việt với người Lào và người Chàm trong khoảng thế kỷ thứ 15 và 16. Nhưng cuốn nhất mất đoạn chót. Bạn nào hoặc biết tên tác-giả hoặc có bản sao của bộ sách quý ấy xin làm ơn sao gởi cho tôi đoạn đã mất ấy (từ ngày 18 tháng tám năm giáp-dần đời Lê-thái Tổng đến năm giáp-tý đời Lê-nhân-Tông).

4) « Tây-Nam-Biên-Tái-Lục » lại viết là « tuần nhật » ; vì vậy ông Maspéro mới dịch là 10 ngày.

Ông-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXVI. — Lý nhân-tông

(bài nối)

Kể võ công trong đời Lý nhân tông (1072-1127) thì có việc Lý thường Kiệt sang Tàu đánh châu Khâm châu Liêm là nổi tiếng xưa nay kỳ trước đã chép. Nay chép đến việc giao tiếp với Chiêm thành.

Vào khoảng tháng chín « năm ất mão (1075) Chiêm thành quấy nhiễu ngoài biên, vua Lý sai Lý thường Kiệt đi đánh không được. Lý thường Kiệt vẽ địa đồ tình thế núi sông ba châu : Bố chính, Ma linh, Địa Lý, rồi đem quân về. Vua Lý đổ châu Địa lý làm châu Lâm bình, châu Ma linh làm châu Minh li để chiêu tập dân cư đến ở. Hai châu này là châu Bố chính là đất của Chế củ (Rudravarman III) dâng từ năm 1069 để xin về nước (*K. đ. v. s.* q. 3, tờ 34 b; *Đ. v. s. k. toàn thư*, q. 3, tờ 9 a, Georges Maspero *Le royaume de Champa* tr. 142).

Năm bính thìn (1076) quân Chiêm thành cùng với quân Chân lạp Cao mang hợp với quân nhà Tống sang xâm lấn, nhưng bị quân ta đánh thua (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 9a-b). Thế rồi bằng đi mười lăm năm, « Chiêm thành không sang cống, đến tháng giêng năm giáp tuất (1094), vua Lý sai bàn lâm học sĩ là Mạc-hiển-Tích sang Chiêm thành đòi lễ triều cống » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 12 b; *K. đ. v. s.*, q. 4, tờ 1 a-b).

Năm qui vị (1103) nước ta có Lý Giác làm phản, vua sai Lý thường Kiệt đi đánh : Lý Giác bị thua (chuyện Lý Giác sẽ chép dưới này), trốn sang Chiêm thành, kể tình hình hư thực trong nước ta. Vua Chiêm là Chế ma na Java Indravarman II) tin là thực cả, cử binh vào cướp lại đất ba châu Lâm bình, Bố chính, Minh linh là đất Chế củ đã dâng nước ta từ trước. Mãi đến tháng hai năm giáp thân (1104) vua Lý mới sai Lý thường Kiệt đi đánh, Chế ma na sợ, giả lại đất ba châu (*K. đ. v. s.*, q. 4, tờ 4 b và 5 a *Đ.v. s. k. toàn thư* q. 3, tờ 14 b) Từ bấy giờ Chiêm thành lại xưng thần sang cống năm canh dần (1110) và năm nhâm thìn (1113) dâng voi trắng ; năm bính hàn (1116), năm mậu tuất (1118) và năm canh tý (1120) dâng phương vật.

Còn chuyện Lý Giác làm phản, thì *K. đ. v. s* (q. 4, tờ 3 b 4 a) chép như thế này : « Lý Giác là người châu Diễn, học được kỹ thuật, thường kết cỏ cây làm người (? có thể bay lên lưng chừng giời để đánh nhau, gọi là thiên tướng binh (quân của tướng nhà giời). Người trong châu theo nhiều. Giác bèn chiếm cứ châu Diễn để làm phản. Việc ấy đến tai vua ; vua hỏi đình thần ai có thể làm tướng đi đánh. Các quan đều tiến cử Thường Kiệt. Vua truyền rằng : « Tên giặc Lý Giác là đứa kiệt hiệt, nên chọn viên tướng sức mạnh mới đương nổi. Thường Kiệt ở ngôi binh nhung lâu ngày, nay đã già, lại giao cho việc quân không phải là cái bản tâm ủi trẫm đãi bậc lão thần » Thường Kiệt cúi đầu tâu rằng : « Năm xưa tôi chưa quen tướng lược dẹp Chiêm đánh Tống, may mà thành công đều là oai linh của bệ hạ, mà là sức của tướng tuần. Nay đội ơn nước ngôi cao lộc trọng đến thế này, nếu ngồi trông tên giặc Giác lông lao, thì tôi xin kiếm không nhắm mắt » Tâu rồi xin đi. Vua khen lắm mạnh mẽ cho. Quân của Lý thường Kiệt đi đến chân

(Xem tiếp trang 16)

哀山行

Ai Sơn hành

Phó Bảng KIỀU OÁNH-MẬU

« Ai Sơn hành » nghĩa là bài ca (hành) thương xót tỉnh Sơn, do cụ Phó-bảng Kiều Oánh-Mậu soạn. Cuối đời Tự-đức, quân Pháp từ trong Nam ra cướp tắc-ỷ chiếm được Hà-nội rồi ngày 14 tháng 4 năm nhâm-ngọ (1882) giặc tiến phạm lên thành Sơn-tây, sau 4 ngày kháng chiến dự quân ta hợp sức với quân Cờ-đen, thành Sơn-tây cũng bị hãm mất. Dân bắt Sơn-tây bấy giờ, chịu nhiều nỗi cực khổ khôn kể xiết, phu dịch bộn rộn, binh phạt bạo ác, thuế khóa nặng nề. Nhất là quân Cờ-đen, cái chiến công giúp ta chẳng có là bao, mà sự quấy nhiễu dân ta thì, cho đến bây giờ, các cố lão vẫn còn truyền thuật những thủ đoạn hung tàn của họ. Cụ phó-bảng Kiều Oánh-Mậu là người tỉnh ấy, mục kích cái thảm trạng của dân trong tỉnh, trong lòng thương xót, mới làm ra bài « Ai Sơn hành » rất thống thiết này. Đọc bài này giữa những lời tự thuật rất sáng sủa, rất đau xót của Kiều liên-sinh, ta có thể tưởng thấy cái trạng huống khổ sở của dân ta trong lúc người Pháp đến cướp nước.

Bài « Ai Sơn hành » gần đây do người cháu của tác giả là ông Thiết Chi dịch ra quốc văn theo thể song thất lục bát. Bản dịch này, lời văn lưu loát tự nhiên và đi sát với nguyên văn lắm. Xin đăng lục bản dịch ấy ra đây, để giữ lại một bài văn hay và là phản ảnh của một đoạn sử đau thương của nước nhà.

TRÚC-KHÊ

***

NGUYÊN TÁC PHIÊN ÂM

Cao cao Tản, Đảo, (1) thâm thâm Lô,
Kỳ bách niên lai nhất thống đồ.
Nhất triều hỏa-luân thủy thương phủ.
Tản, Đảo vân-ám Lô lưu vu.
Bất tri « Thiên binh » hà-xứ khu ?
Bắc kỳ hà-xứ xu ?
Ngã-quan, ngã quân hà-xứ phô ?
Ngã thử vô mệnh, thương-sinh thì mãn đồ.
Ai tai Sơn chi dân hà cố ?
Sơn-miên quyên tiền tiền trung tô,
Thảo du thân vô nhất vô.
Ngã xung trúc-lạm hựu quân nha,
Ngã nhu ngạch-ngoại hữu gia chu.
Ngã-nhật Tỉnh phát trúc ngoại phu,
Minh-nhật Thứ phái tạo giang-phù.
Kim triều Thanh quan Bắc-ninh du,
Minh-triều Thanh-dũng Hưng hóa tù
Huyện-nha tử hạ ngã trực phù.
Ngã xả, ngã sắc, ngã dịch-phu.
Nhất nhất quan-pháp cầm trì-trù.
Kỳ tằng cao huyệt dĩ khuynh thâu.
Doanh đắc nhất trận, cốt thành khô.
Nhĩ bất kiến :
Khứ-niên tam-nguyệt Thăng-long đô :
Kim-niên nhị nguyệt Nam-hải ngư
Tuy nhiên thành hãm vô tha ngu.
Độc-ngã Sơn-dân hà nhĩ thù ?
Thành vị-vong thời lực dĩ đồ.

Thành kỳ vong hậu, mệnh tận đồ.
Đường-gia ô ! Lưu-gia ô !
Hoàng-gia ô ! Hàn gia-ô !
Tích nhật dịch-ngã, vân ngã phù.
Kim kỳ khí ngã hách ngã ô
Kỳ lược ngã sản, thiêu ngã lô,
Ngã phụ, nhĩ thê ; tử, nhĩ nô
Ngã lầu, nhĩ-pháo ; cư, nhĩ câu,
Đệ đầu củng thủ, hướng nhĩ-mô.
Nhĩ tiểu manh ma vị ngã vu.
Yêu đao khởi xử vô hoàn-phu.
Nhi kim thủy giác Hoàng lão mô,
Trí bạch thư hắc, khước thành ngu,
Phù lão, huề ấu, thâm-sơn ngu
Thâm-sơn xứ-xứ lận côn đồ
Tương truyền Đoài phương tỉnh nhất khu
Do lai Sâm-kỳ ngữ hoàn vu.
Hu ta hồ ! Hu ta hồ !
Thử Sơn cố, thử đặc phô !
Quỷ giới bất khả du,
Lão-thương bất khả hô.
Bất tri hà-nhật hậu lại tô ?
Chỉ kim hàm lệ, thân thanh thả mạc hu.

***

BẢN DỊCH

Miền Lô Tản nghìn năm nhất thống,
Tản cao cao, Lô cũng sâu sâu
Ai đem sang mấy chiếc tàu ?
Làm cho nước thảm non sầu từ đây !
Quân « nhà giời » cao bay xa chạy,
Quân Cờ-đen chẳng thấy tăm hơi.
Quân quan ta cũng tếch rồi
Chỉ còn nhung-nhúc thây phơi đầy đường
Dân sơn-cước khá thương vô-tội,
Mấy năm luôn thu dội thuế tiền.
Lại than củi, lại dầu đèn,
Lại mông-xung (2) phải nộp thuyền cho quân.
Quân như cũng cứ dân đòi hỏi,
Lại còn tiền nghạch ngoại lôi-thôi.
Ngày nay tỉnh đắp lũy dài,
Ngày mai Quân-thứ lại sai bắc cầu.
Sang tỉnh Bắc, quan Tàu hô-tống.
Ngược tỉnh Hưng lính Đồng bắt theo.
Lệnh quan nóng nảy như thiêu,
Phải quăng liêm hồi mà liều đi phu.
Hễ lui tới trù trừ nửa bước
Lưỡi gươm đưa hớt ngược lấy đầu.
Thương ôi, máu mủ sạch lâu,
Chờ cho thắng trận xương khô những là.
Người chẳng thấy :
Thành Hà-nội, tháng ba năm ngoái
Tháng hai nay lần tới Nam thành.
Đôi nơi vỡ-lở tan-tành
Còn chưa khốc hại như hình tỉnh Sơn,
Dân tỉnh Sơn thành còn đã khổ,
Thành mất rồi. người của đều tan.
Cờ-đen cho chí Cờ-vàng,
Làm cho trăm họ khóc than đứng ngồi.
Xưa sai ta, mượn lời bảo hộ.
Nay bỏ ta, lại độ ta già.
Đã cướp của lại đốt nhà
Vợ ta hiếp-tróc, con ta tôi đòi.
Chay nị bẩn, ở thời nị trói
Cái dận đầu lạy cối, không tha,
Mắn mỏi, nị « tỉ-nhà ma ».
Tay đao vùng-vẫy, thịt da không toàn.
Nay mới biết lão Hoàng (3) khôn mảnh,
Cuộc trắng đen cờ tỉnh chẳng ra.
Thôi, thôi dắt trẻ, cõng già
Tìm vào hang núi cho qua buổi này,
Trong hang núi lại đầy trộm cướp,
Tránh lắm sao khỏi bước truân chuyên.
Đoài phương lời Sâm-kỳ còn truyền.
Rằng yên mà có thấy yên đâu mà ?
Ấy tình-cảnh Sơn ta đương ấy,
Cứ những điều trông thấy mà đau.
Cỗ âm chưa dễ qua cầu
Trời xanh kia dẫu kêu gào không thưa.
Biết chân-chúa bao giờ ngó tới.
Cứu muôn dân được khỏi cát lầm ?
Đành nay nuốt lệ ngậm tăm,
Cùng nhau thở ngắm than ngầm dám he

(bản dịch của THIẾT-CHI)

1) *Tỉnh Sơn-tây xưa gồm cả tỉnh Vĩnh-yên bây giờ, vì thế Tam đảo cũng thuộc về Sơn-tây.*

2) *Thuyền bằng nứa cho đi trước để chịu tên đạn cho thuyền của quan quân.*

3) *Hoàng Kế-Viêm làm Tổng-thống quân-vụ phụng mệnh đánh giặc ở Sơn-tây.*

4) *Xưa có câu sấm «Đoài phương tỉnh nhất khu», nghĩa là một vùng Sơn-tây được yên ổn thế dân các nơi nhiều người đến lánh nạn ở Sơn-tây.*

ĐỂ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 84

Ưng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Theo quyển *Kim Vân Kiều chuyện* bằng chữ nho, lược dịch ra quốc-ngữ như sau này, so với bản nôm, từ câu : « Giọng Kều rền-rĩ trường loan, nhà huyên chợt tỉnh, tỏi con có gì ?... » (câu 223-224) :

Vương-bà thấy con gái không ngủ được, không biết có việc gì mà bán-khoăn như thế, mới cầm đèn lên lầu xem, thấy Thúy-Kều ở trong buồng, nửa thức nửa ngủ, như tỉnh như say, hai hàng nước mắt chảy dòng dòng. Vương-bà tự nhiên giật mình, vội vàng chạy đến nơi, kêu rằng : « Thúy-Kều con ơi ! đêm đã khuya, người đã vậy, vẫn còn ngồi làm gì mà chưa đi ngủ ? » Thúy-Kều nghe mẹ nói, dồn nín lặng hồi lâu, mới nói chậm-chạp thở dài một tiếng, thưa rằng : « Mẹ ! con sẽ có một cái điềm không tốt ». Vương-bà nói : « Sao con lại nói gở như thế ? » Kều đáp : « Thưa mẹ, không nói gở đâu ? Nhân xem giấc mộng, lúc ngồi tựa ghế thiu-thiu, chiêm bao, một người con gái, nói rằng là người giáo-chủ giáo-chủ cho mình cầu bài thơ Đoạn-trường để đưa cho con. Khi tỉnh-biệt lại nói rằng « trên sông Tiền-đường sẽ lại gặp nhau ! » Con người nhà người con gái ấy, không ngoài làng này mà sông Tiền-đường là đất Việt, cách nhau lối vài nghìn dặm ; bảo là người trong bộ Đoạn-trường, mà bọn con cùng gặp, tỉ có chuyện gì, hay là con cũng là người trong bộ Đoạn-trường ? » Nói xong, lại càng khóc nức khóc nở. Vương-bà yên ủi rằng : « Thúy-Kều con ơi ! chiêm bao là tự trong lòng sinh ra. Các em con nói ban ngày con trù-lu-lẩn ở trên mộ Đạm-tiên, cho nên đêm tối ngủ hóa ra chiêm bao, rõ ràng như thế, không nên nghĩ vơ nghĩ vẩn làm gì mà sinh bệnh. Con đi ngủ đi ». Rồi cùng Thúy-Kều đi ngủ. Chuyện ấy tạm gác không nói nữa.

Lại nói Kim-Trọng từ khi trông thấy hai người con gái về nhà, ngày đêm tư-tưởng, chỉ muốn gặp mặt, nhưng không làm thế nào được. Chợt một hôm, nghĩ ra một kế, bèn bảo anh rằng : « Mình với bà mình ngụ một nơi, nếu có cơ duyên, cũng khó lòng hội ngộ. Tốt nhất tìm một gian buồng nào ở bên cạnh, làm một thư phòng, thì may ra mới có cơ hội ngộ ». Đã định như thế rồi, bèn mượn người thầy thợ, bày ra trăm kế ngoài phương để tìm một gian nhà ở sát nhà họ Vương. Hắn tìm được một nơi ở ngoài có bề tả ba chữ *Lãm thúy viên*. Kim-Trọng mừng lắm, tự nhủ mình rằng : « Cái vườn này để tên là *Lãm Thúy* thì mà việc của Thúy-Kều và Thúy-Vân, có lẽ nào đây ! » Rồi thu xếp mua tỷ đến ngay vườn, thấy những cây cùng cây trúc và các thứ hoa ở quanh nhà mình mà xanh tươi, đinh đang lầu gác mà là thanh-nhã, ai là người chẳng thích ?

Nàng Kim-Trọng vô tâm ngoạn thưởng, cái cớ tìm gian gác nào gần nhà họ Vương thì đến ở. Mỗi ngày nhẩng mặt trông xem, lúc cúi đầu ngồi ngợ, cùi quanh quẩn ở dưới tường đông, không ngờ đã hơn một tháng, mà không làm thế nào mà gặp mặt hai người. May một hôm cơ-duyên đã đến. Kim-Trọng một mình lững thững ở trong vườn quanh núi giả-sơn để tiêu-khiển, chợt thấy ở trên cành cây bích-đào, có một vật gì sáng quắc như màu vàng bạc lóng lánh, hình như một chiếc kim thoa, trong lòng nghĩ thầm rằng : « Của này là của trong

khuê-các đây », rồi lấy gậy tre kều xuống xem, quả nhiên là một cánh kim-thoa chạm con phượng, bụng bảo dạ rằng : Những đồ trang sức bằng vàng ở đây, tất là bảo-vật của mỹ-nhân ; thoa này chắc là của hai con gái họ Vương, không biết lại sao lại rơi vào đây. Chắc thế nào cũng có người đến tìm. Nay đã lạc vào tay mình, thế nào cũng có cơ duyên ». Lại nhìn xem quang-cảnh thế nào, trong lòng mừng lắm, đi qua giả-sơn, nhìn mộ lần nữa, rồi về phòng. Đến sớm hôm sau, chợt thấy ở dưới bóng cây đầu tường, hấp-thoáng như có bóng người. Kim-Trọng đã biết đích là người con gái, vội vàng lấy kim-thoa ra đến trước giả-sơn, nói to lên rằng : « Có một cánh kim-thoa rất đẹp, không biết của mỹ nhân nhà ai đánh rơi, tôi đã nhặt được đây, định đem giả, nhưng không thấy ai, mà cũng không biết gửi vào đâu ». Nói to lên hai lần như thế, chợt nghe ngoài tường có người con gái dịu dàng nói rằng : « Thoa ấy của tôi đánh rơi, người quân tử đã có ý tìm thế mà hoàn lại cho tôi ». Kim-Trọng vội vàng đáp : « Thế ra thoa của cô là riêng đấy ư ? Hoàn lại là phải ». Vừa nói vừa ngửng đầu lên xem, không ngờ người con gái ấy đã biết mà tránh về một bên. Không rõ người ta nông nả ấy. Người con gái chỉ nói rằng : « Quân quý tông tôi giả dại, tôi lấy làm cảm kích lắm ». Nói xong, Kim Trọng thấy con gái tránh mình, lại nói to lên rằng : « Cô đã [illegible] thoa của cô, thì lẽ nào [illegible] không giả. Nhưng cô nên xem kỹ kẻo nhầm ». Người con gái đứng cách tường, đáp rằng : « Chiếc thoa kim phượng ấy, chân bạc, nạm ngọc thúy, trên có ba hòn tua tua sơn bằng ngọc thạch, chín hạt chân châu, xin chàng xem cho có phải như thế không ? » Kim-Trọng trả lời : « Đúng như thế, không sai lý nên hoàn lại, nhưng phải giáp mặt đưa ăn tay mới hợp ». Người con gái ngẫm nghĩ hồi lâu, không thể nào tránh được, đành phải đánh bạo bước ra gặp mặt. Kim Trọng trông thấy rõ ràng Thúy Kiều, không ngờ mừng quá nói ấp úng : « Thoa này ngẫu nhiên của cô đánh rơi, tôi là Kim Trọng nhặt được, thực là có giời lại vì thế mà ở đây mấy phương dung, thực là may mắn ». Thúy Kiều cũng đã biết là Kim-Trọng, mừng thầm mà nói rằng : « Chàng Kim quý sao chẳng lại nói những câu bằng tin như thế ? Chàng giả lại cho em thế mới là giời xui em được gặp chàng, mà khiến cho chàng lại nhặt được. Chàng chớ [illegible] thế mới là cao nghĩa. Em biết lấy gì mà báo đáp ? Kim trong quý thoa này giá [illegible] báo nhiêu, mà nói là báo ơn đáp nghĩa [illegible] nhặt được thoa ấy bởi một tấm khổ tâm, xin cô thương đến ». Thúy Kiều nói : « Em danh rơi thoa là lại em [illegible] hoa đào, vô ý vướng lại. Chàng mà nhặt được cũng là ngẫu nhiên, cớ gì có việc gì mà gọi là khổ tâm ? » Kim Trọng nói : « Chính vì một người được thoa, một người mất thoa, cùng là vô tâm, mà lại một bên được thoa, một bên mất thoa, tự nhiên gặp mặt. Há chẳng phải là duyên giời đưa lại ? Tôi là một kẻ qua đường, chính không nên khinh xuất đường đột, nhưng sợ duyên giời không có lần thứ hai, gặp mặt lại càng khó, nên tôi đem một đoạn khổ tâm mới nhặt được kim thoa ấy, kể lại cô nghe, mong cô tha thứ ». Thúy Kiều nói : « Không sao, có việc gì thẳng cứ nói thẳng : em muốn nghe câu chuyện lạ, là vì nhặt được kim thoa mà lại nói là khổ tâm ». Kim Trọng nói : « Thế sinh là kẻ bất tài, nói đến việc báo ơn, hình như đem cả tính mệnh ; lâu nay vẫn nghe cô nương nổi tiếng hồng quần giời này không ai bì kịp, tiếc vì không được thấy cô nương gẩy đàn bao giờ. May sao giời run rủi cho tôi được trông thấy đúng quang, khiến tôi thầm mộ tóc mây tương tư, ngưng tiếc rằng mình không [illegible] không thể gắp cánh bay lên cành hồng trao đổi ; [illegible] nên phải bao phí bao nhiêu tâm lực, [illegible] nhìn kế mới mưu đến [illegible] này quay đầu mà mắn ở [illegible] tường đông. Cho đến [illegible] giờ cho tôi nhặt được [illegible] thoa để được ra mắt cô nữ [illegible]

(Xem tiếp trang [illegible])

GIẤY BẠC VÀ THỰC-CHẤT

NGÔ CÔNG

NƯỚC Việt - nam ta chưa có ngân-hàng phát - hành. Lúc chúng tôi viết đến đây, quyền phát hành giấy bạc vẫn ở trong tay một mớm tư-bản pháp : Đông-dương ngân-hàng — và người Việt - nam vẫn phải dùng giấy bạc của một ngân-hàng ngoại quốc — tệ hơn nữa : của một ngân-hàng thù địch.

Thật là trái ngược, mỉa - mai và chua cay !

Vì vậy nhiều người đang băn-khoăn về vấn-đề thực-chất.

***

Thực chất là gì ?

Thực-chất là chất dùng làm đảm-bảo cho giấy : là bạc trong thời-kỳ ngân bản - vị ; là vàng trong thời-kỳ kim bản-vị.

Sắc-lệnh (1) ngày 31 tháng 5 năm 1930 định giá thực-chất của $ đông-dương như sau này :

« Đồng bạc, đơn-vị tiền-tệ của xứ Đông-dương, làm bằng 0 gam 655 ly vàng, tỷ - số thực - chất 0,900 ».

Dùng vàng làm bản - vị cho $, sắc-lệnh ấy lại còn nối bản $ đông dương vào đồng Phật-lăng :

« Đồng bạc, đơn-vị tiền-tệ của xứ Đông-dương, làm bằng 0 gam [illegible] ly vàng, tỷ-số thực-chất 0,900, tức là giá trị của 10 phật - lăng [illegible] định theo luật ngày 25 tháng [illegible] năm 1928 ». (2)

Như vậy là, trên thị-trường quốc-[illegible] $ đông-dương có vẻ như một [illegible] to — gấp đúng 10 lần — [illegible] phật - lăng. Bởi thế, hễ giá [illegible]t-lăng thay đổi, là giá $ đông-dương cũng bị thay đổi : $ đông-dương hoàn-toàn phụ thuộc vào phật-lăng.

***

Từ 1930 đến nay, giá thực-chất của phật-lăng đã sụt nhiều lần.

Lần thì viễn cớ là để khuyến-khích việc sản xuất. Ví dụ : giá 1 lít sâm-banh, vẫn quen bán ở Mỹ là 1 đôn-la (US $) hay là :

1 US$ là 0 gam 8886713 vàng
1 phật-lăng là 0 gam 0655
= 13 phật lăng 57.

Nay, làm sụt giá phật-lăng, từ 0 gam 0655 xuống 0 gam 049, thì 1 lít sâm - banh bán được :

$\frac{0,8886713}{0,049}$ = 18 phật lăng 13, tức là đắt hơn lần trước gần 5 phật-lăng.

Lần thì viễn cớ là để tranh thị-trường quốc - tế : cũng 1 lít sâm-banh, giá bán 13 phật-lăng không thay đổi, nhưng thay đổi giá thực-chất bằng vàng của 13 phật-lăng :

0,0655×13 = 0,8886 : 1 US$
0,049 ×13 = 0,637 : 0 US$ 78

tức là, đối với người mua, 1 lít sâm-banh rẻ hơn trước 0 US$ 22.

Lần thì để chính - phủ có cách trả nợ. Giá thực-chất đang là 0 gam 0655 nếu hạ xuống 0 gam 049, thì số vàng của ngân - hàng phát - hành — dùng làm đảm-bảo cho giấy bạc — tự-nhiên hưởng một thặng-dư. Ví dụ số vàng ấy là 100 cân, thặng dư bởi sự sụt giá của phật-lăng sẽ là :

$\frac{100.000 \quad 100.000}{0,049 \quad 0,0655}$ = 47.328 phật-lăng

Chính-phủ lấy số thặng-dư ấy ; tự-nhiên chính phủ có số tiền 47.328 phật-lăng để trả bớt cho ngân hàng phát hành những món nợ mà chính-phủ thường phải vay ở ngân-hàng ấy.

Việc thay đổi giá-trị thực-chất của đơn vị tiền - tệ cần - cứ vào những nguyên-nhân thuộc về tài-chính. Có lợi nhưng cũng không khỏi có hại và thường thường lợi, hại ngang nhau.

***

Từ lúc $ đông-dương theo kim bản-vị, phụ thuộc vào phật - lăng, $ đông-dương đã bị sụt giá 5 lần, vì đồng phật-lăng đã 5 lần sụt giá :

Tỷ số thực-chất không thay đổi (0 900), giá thực-chất của đồng phật-lăng đã sụt từ :

0 gam 0655 xuống 0 gam 049.
theo đạo luật 1/10 1936 ;
0 gam 049 xuống 0 gam 042
theo sắc-lệnh 30/6/1937 ;
0 gam 042 xuống 0 gam 0275,
theo sắc-lệnh luật 12/11/1938 ;
0 gam 0275 xuống 0 gam 02334,
theo sắc-lệnh luật 29 2/1940 ;
0 gam 02334 xuống 0 gam 02222,
theo tin ARIP ngày 13/3/42. (3)

Vậy thì giá thực - chất của $ đông-dương hiện-thời phải kể là 0 gam 2222 vàng có 0,900 nguyên-chất, hay là gần đúng 0 gam 200 ly vàng nguyên-chất.

Con số 200 ly vàng định giá cho $ đông-dương trên thị-trường quốc-tế. Mọi cạn số ấy ra đây, tôi không có ý-định xui mọi người lần tính nhân để biết chúng ta mỗi người có mấy cân vàng.

Vả lại, làm cái tính nhân ấy cũng vô ích, vì cái mực :

0 gam 200 = 1 $ đông - dương

chưa thay đổi, mà giá vàng đã lên, xuống rồi.

Giá thực chất của $ đặt ra chỉ để làm cái mực so sánh với $ tàu, đồng « yen » của Nhật, đồng « đôn la » của Mỹ, đồng « Linh » của Anh..., Giá thực chất của $ đặt ra để cho $ có một bản vị quốc tế.

Với người nước khác, việc buôn bán cần phải có thực chất, nghĩa là cần phải có vàng. Chỉ cần biết vàng, họ phải làm cái tính nhân lúc nãy, để thanh toán những việc đổi chác giữa hai nước. Đó tức là công việc của ngân hàng nước này với ngân hàng nước kia.

Trong một nước với nhau, như ngài với tôi, không cần bận tâm đến cái giá thực chất của $.

***

Ta chỉ nên biết *giá đổi chác* của $.

Giá đổi chác cần phải đứng vững, để làm chắc chắn đời sống của người làm ra tiền. Nhưng không thoát khỏi chi phối của luật cung cầu, giá đổi chác lên, xuống tùy theo sức sản xuất và sức tiêu thụ. Ví dụ đến vụ chiêm, thóc gặt được nhiều, thì 200$ bây giờ mua được 100 cân thóc, bấy giờ có thể mua được 140 cân thóc : người ta nói giá đổi chác của $ lên. Ngược lại, vào dịp Tết, ăn uống nhiều, tiêu phí nhiều giá đổi chác của $ xuống.

Ở những năm bình thường, ta có thể dò xét được sự thay đổi giá đổi chác của $.

***

Giá đổi chác bị luật cung cầu chi phối, lại còn bị tâm lý chi phối nữa. Từ 1939 trở đi, lòng tin của người Việt nam đặt vào $ bị rút dần ; trăm người đã lý luận như một : nước Pháp đổ, chính phủ Đông dương đổ, Đông dương ngân hàng đổ, thì $ đi đời !

Giá đổi chác của $ sụt mãi. Ta thấy hàng hóa sản vật mỗi ngày một cao ta la ó : sinh hoạt đắt đỏ ! Thực ra, hàng hóa không cao, sản vật không cao, sinh hoạt không đắt đỏ, chỉ có giá đổi chác của $ sụt.

Sụt vì ta không tin ở $ Sụt vì ta đã lý luận gần đúng :

Nước Pháp đã đổ, chính phủ Đông dương đã đổ.

Nhưng Đông dương ngân hàng vẫn còn : cơ quan đảm bảo $ vẫn còn.

$ chưa đi đời. $ vẫn có giá đổi chác.

Và nếu ta áp dụng lòng tin vào $ cho *đúng thời cuộc*, giá đổi chác của $ sẽ từ từ lên.

Cứ bình tĩnh mà xét, ta thấy : Đông dương ngân hàng, ngân hàng phát hành giấy bạc, đứng nguyên sau vụ đảo chính 9/3/1945. Một sự thực cho phép ta tin vào $.

Sau vụ đảo chính, Đ.D.N.H. đặt dưới quyền kiểm soát của chính phủ hiện hành (tạm thời do người Nhật chủ trương). Những của cải của Đ.D.N.H. ở trong nước và ở *ngoài nước* đã được ghi chép, thử lại và không bị suy suyển. Đảm bảo của $ vẫn còn nguyên. Hai sự thực cho phép ta tin vào $.

Chiến tranh chưa biết gần hết hay còn lâu, nhưng rồi cũng phải đến ngày kết liễu. Tình thế *bất hợp pháp* hiện thời của Đ.D.N.H., một công ty ngoại quốc nắm quyền phát hành giấy bạc, rồi cũng sẽ đến ngày thay đổi — *và sẽ thay đổi lợi về phần chúng ta.* Ba sự thực cho phép ta tin vào $.

***

Còn gì có thể làm cho chúng ta bi quan ?

Giá thực chất không bao giờ đem ra dùng với từng người. Có những vụ kiện ngân hàng phát hành ở các nước đã xảy ra, nguyên nhân vì thực chất.

Sòng bạc D.D.N.H. giả ở nước ta không có những con bạc cứng đầu. Ta ít nghe những vụ kiện D.D.N.H. về chuyện thực - thất. Có lại, chỉ có một vụ mà trong vụ này con bạc cứng đầu lại là một người Pháp.

(Xem tiếp trang 26)

1) của chính-phủ pháp.

2) « Đồng phật-lăng đơn vị tiền tệ của nước Pháp, làm bằng 0 gam 0655 vàng, tỷ-số thực chất 0,900».

3) Việc thanh toán giữa đông dương và Nhật bản đã dùng con số 0 gam 2024308 năm 1941-42-43.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 13

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ở chương thứ mười hai trong quyển *Việt Nam văn học sử yếu*, ông Dương Quảng Hàm viết một bài đề là « Hàn Thuyên và các nhà mô phỏng ông » (tr 106), trong có câu «... ông (Hàn Thuyên) có thể coi là ông tổ văn nôm, loại văn bác học, có theo qui-củ nhất định». Câu ấy hình như không rõ tôi tưởng nên chữa là « ta có thể coi ông Hàn Thuyên là tổ thơ phú nôm, loại văn có qui-củ nhất định » đặt chữ « ông » trên chữ « có thể » sợ nhầm là ông Hàn Thuyên tự coi là ông tổ, chứ không phải người đời sau. Ba chữ « tổ văn nôm » thì chữ « văn » không ổn, vì chữ văn gồm cả lối tục-ngữ ca-dao, — lại trái với câu trên là câu « trước đời Hàn Thuyên, quốc-văn ở nước ta chỉ có tục-ngữ ca-dao, nghĩa là loại văn bình-dân và truyền khẩu » (tr. 106). Thế thì ông Hàn Thuyên là tổ văn nôm sao được »? Còn hai chữ « bác học » cũng nên xóa vì học rộng thì chỉ thuộc nhiều điển-cố, chứ chưa chắc đã có khiếu làm văn. Ta thử đọc bài *Nông phu thán* của cụ Yên-đỗ dưới này, thì biết là có « qui-củ » mà không phải « bác học »:

Mấy năm làm ruộng vẫn là thua
Chiêm mất đàng chiêm, mùa mất mùa,
Phần thuế quan thu, phần trả nợ,
Nửa công đứa ở nửa thuê bò;
Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa giầu cau chả dám mua,
Tần tiện thế mà còn chẳng đủ,
Lo sao cho được để mà lo?

Có phải rõ ràng tám câu chỉ có một hơi mà không cần điển cố nào cả?

Đến đoạn ông Hàm nói: sử chép « vi văn đầu chi giang » nghĩa là (Hàn Thuyên) làm văn ném xuống sông » ông kết rằng: « sử không chép rõ là viết theo thể văn nào và làm bằng Hán văn hay việt-văn: vậy ta cũng không nên vội cho — như ý-kiến thông-thường — rằng bài ấy là một bài văn-tế và viết bằng tiếng nôm. Chỉ khi nào tìm thấy nguyên-văn bài ấy mới giải quyết được vấn-đề ấy » (tr. 106). Tôi thiết-nghĩ nên xóa cả đoạn, từ chữ « sử không chép rõ » trở xuống, vì xem năm chữ « vi văn đầu chi giang » cũng đủ biết là làm bằng Hán-văn, nếu làm bằng nôm thì sử vẫn có lệ chép thêm hai chữ « quốc âm » hay « quốc-ngữ »: xem mấy câu chép phụ ở truyện Hàn Thuyên và Nguyễn sĩ-Cố dưới này thì rõ. Còn thể văn, có lẽ là văn tế: có là văn tế thì mới giống truyện Hàn Dũ, mà được vua cho lấy họ là Hàn.

Câu Hàn-luật dịch ở sử chữ nho, xem như không gọn, ông Hàm dịch như thế này: « Hàn-Thuyên có tài làm thơ phú quốc-ngữ; người đời ấy nhiều người bắt chước. Đời sau, thơ quốc-âm gọi là Hàn luật là vì thế » (tr. 106-107) nguyên chữ nho là « Thiện vi quốc-ngữ thi phú, nhân đa hiệu chi. Hậu vi quốc-âm thi viết Hàn-luật giả dĩ thử », thiết tưởng nên dịch là: « Hàn Thuyên giỏi thơ phú quốc-ngữ, nhiều người bắt chước. Vì thế về sau, thơ quốc-âm gọi là Hàn-luật ».

Trang 107 nói về Nguyễn-sĩ-Cố, ông Hàm cũng dẫn sử, nhưng lại dịch thiếu. Sử *Khâm-định* (q. 8 tờ 4a a) chép rằng: « Sĩ-Cố thiện khôi-hài, nhân nghĩ chi Đông Phương-Sóc; hựu thiện tác quốc-âm thi phú, nhân đa hiệu chi » nghĩa là « Sĩ-Cố giỏi khôi hài, người ta ví với Đông Phương-Sóc; lại giỏi làm thơ phú quốc-âm, nhiều người bắt-chước ». So với câu của ông Hàm chép « ông có tài làm thơ phú quốc-âm và khéo khôi-hài, người đương thời ví ông với Đông Phương-Sóc ». Hai chữ « thiện », một chữ dịch là « có tài », một chữ dịch là « khéo » và bỏ sót câu « nhiều người bắt-chước ».

Trang 108, ông Hàm dẫn sử về truyện Hồ Quý-Ly cũng thiếu. Sử *Khâm-định* (q. 11 tờ 3 b) chép rằng: « thượng hoàng cho Quý-Ly cờ và kiếm »; ông Hàm chép « cho Quý-Ly một thanh gươm »;

thế là bỏ xót chữ « kỷ » là có Nhưng ông Hàm có tìm được một câu ở *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (q. 11, tờ 38a) chép rằng : « năm đinh-tỵ (1437) vua Lê Thái-tông muốn xem thơ-chiếu và thơ văn của họ Hồ, Nguyễn-Trãi lượm nhặt chép ra được vài chục thiên thơ văn bằng quốc ngữ dâng lên ». Đó là một điều ít người biết, mà sử *Khâm-định* lại lược đi ; ông Hàm thực có công với quốc-văn, ông đã tìm được một thứ tài liệu rất

Đến đoạn « các nhà mô-phỏng Hàn Thuyên » (tr. 107) ông Hàm chỉ lấy truyện Nguyễn-sĩ Cố, Chu-An và Hồ Quý-Ly thế thì cũng thiếu. Ngay năm 1396 Trần Anh-tông sai Nguyễn-sĩ Cố giảng *Ngũ kinh*, có việc gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chiêm-thành : « văn-nhân trong triều ngoài nội phần nhiều mượn việc vua Hán gả Chiêu quân cho Hung-nô, làm thơ từ quốc-ngữ để chế-cười chê-chỉ » (Triều dã văn nhân đa tá Hán-hoàng dĩ Chiêu-quân giá Hung nô sự, tác quốc-ngữ thi từ phúng thích chi) (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 6, tờ 21a-b). Việc gả Huyền-Trân về tháng sáu, tức là trước việc bổ Nguyễn-sĩ-Cố (về tháng chín), thế mà văn-nhân trong nước cũng đã nhiều người bắt-chước Hàn-luật mà làm thơ quốc-ngữ trước Nguyễn-sĩ-Cố.

Đến kỳ in lại, ông Hàm nên thêm đoạn ấy vào chỗ « các nhà mô phỏng Hàn-Thuyên » mà chữ « Hàn Thuyên » nên đổi làm « Hàn-luật » mới phải nghĩa.

(*Còn nữa*)

Ung-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu để đính-chính.

(*Tiếp theo trang 9*)

Cứ nghĩ như thế, bà chẳng phải khổ tâm mới nhặt được kim thoa này ư ? Xin cô nương liên tình mà tha thứ cho tôi được phận nhờ ». Thúy Kiều nghe nói, không ngờ hà mà ửng hồng, nín lặng một lúc, rồi hạ lên thở dài nói rằng : « Chàng thật là người đa tình, nhưng em là phận liễu bồ, không dám tự chủ, đã được chàng đem ái tình kể hết, giai chưa có vợ, gái cũng chưa chồng, biết đâu chẳng là cái kế bá niên giai lão chăng ? Còn như nhân yêu mà sinh tình, nhân tình mà thất tiết thì em tuyệt nhiên không muốn nghe ». Kim Trọng nói : « Cô nương bằng lòng kết duyên tần tấn, tức là tiểu sinh được toại nguyện, dám đâu nghĩ đến chuyện mây mưa, là cử chỉ bất lương, chỉ xin cô nương một lời thề riêng, để thỏa tấm lòng khát mộ bấy nay » Thúy Kiều thưa : « Lòng chàng như ngọc, ý em như vàng, nay không đặt bàn thề, nhưng không ai trái nổi » Kim Trọng nói : « Thề để tỏ việc thâu hiếu, thì có hại gì ? Thúy Kiều bảo rằng : « Chàng đã muốn như thế, em dám đam từ, nhưng xin để ngày khác, nay đứng lâu, sợ có người trông thấy không tiện. Xin đưa cho em cái kim thoa để em đi ». Kim Trọng nói « Tường thì cao, người thì thấp, không lẽ đưa cành hoa qua mà được, để tôi đi lấy một cái ghế hoặc vật gì để tiếp cho cao lên ». Nói rồi, về phòng lấy một đôi đũy bạc, năm lạng bạc trắng một cái khăn lau mồ hôi, bắc thang ở cổ giả-sơn, lên tường đầu tường, đưa Thúy-Kiều đổi đi ra, tại tay nắng kim-thoa và các phẩm vật đưa Thúy-Kiều, cử chỉ rất cung kính, y như dâng một lễ-vật lên người trên, vừa đưa vừa nói rằng : « Vi-thành một thứ chẳng đáng là bao, xin dâng làm lễ sơ-kiến ». Thúy-Kiều thưa rằng : « Cành thoa thì em xin vâng lĩnh, còn các hậu-lễ thì em không dám nhận ». Kim-Trọng nói : « Đó là chân-tình của tiểu-sinh, cô-nương lại còn khách sáo làm gì, cho khổ lòng tiểu sinh ». Thúy-Kiều cười rồi nhận cả, nhân có cái quạt cầm tay và cái khăn tay ở trong túi áo, đưa lại để đáp lễ. Vừa xong, thì chợt nghe bên ngoài có tiếng người, ở xa đi tới, hai người đều chia tay, làm cho người ngoài không ai biết. Kim Trọng từ hấy giờ trong lòng khoan khoái thần trí tỉnh tường, việc ấy để sau sẽ nói. Nay chỉ nói từ khi Thúy-Kiều về đến phòng, nghĩ thầm rằng : « Kim-Trọng thật là người chí-tình, ta lại là người có một bậu mấu tiếng, ngày nay gặp bạn tri-âm... » Một mình nghĩ vơ nghĩ vẩn, vào khoảng nửa đêm, cảm tình Kim-Trọng, mừng mà không ngủ ngồi bứng một bài thơ như sau này :

Nữ-tử phượng xuân lộ
Nhi gia nhân đắc chân.

(*Xem tiếp trang 17*)

GEORGES MASPERO

(Tiếp theo trang 4)

Rồi để vào những nhà tranh do chức Tư-Cai (chữ đọc tư hoặc tự đều được) dựng lên. Nhà-ngươi phải kiểm-soát việc ấy rồi tâu về Đồng-Tất, (Vous vous occuperez à le recueillir et faire cuire dans un délai de dix jours et le ferez emmagasiner dans des paillotes construites à cet effet par l'officier du grade de Tư-Cai. Vous surveillerez cette opération et m'en rendrez compte).

Sở dĩ ông Maspéro dịch khác như thế là vì đã đọc và ngắt sai đoạn văn ấy như thế này :

« .. Vật yêm tuần nhật đệ nạp. Sử Tư Cai quan kỉ tạo thảo xá... » Theo ngu kiến thì trưởng nên ngắt ngang chữ « tỉ » (tư), còn chữ « cai » thì phải để cho câu dưới. « Sử tỉ » là tỉ quan Sứ (Thừa Tuyên Sứ Phủ An trường); giống như bây giờ người ta viết Lại Bộ tỉ, Lễ Bộ tỉ v.v... Cai quan nghĩa là ông quan ấy như bây giờ người ta viết ký quan, ký viên: quan ấy, viên ấy (chữ cai húy nên không dùng nữa).

***

Ông Maspéro lầm như trên là vì không nhận rõ nghĩa câu văn chữ Hán (5); nhưng nét trong sử ta có lắm đoạn, vì tác giả không chịu ngắt câu, đánh dấu cho rõ ràng, nên cũng khó cắt nghĩa cho xuôi, cho minh bạch. Nay tôi xin trình một chuyện làm ví dụ và cũng cốt để cải chính bùng các bậc cao minh trong nước :

Thuật đến đoạn vua Chàm Ma Ha Bí Cai bị các tướng Đại Việt Lê Khả, Lê Thọ bắt (1446, Thái hoà thứ 4), chép là Ma Ha Quý Lai sai sứ ra xưng thần, xin phong mình làm vua Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (q. 11 tờ 62 a), Cương Mục (q. 17 tờ 30 a), Tây Nam Biên Tái Lục (q. 2) đều viết :

« Quý Lai sứ kỳ thần Chế Cựu Ma Nô Bà By đặng phụng biểu xưng thần (6) ... » Quý Lai bầy tôi là bọn Chế Cựu Ma Nô Bà By dâng biểu xin hàng...)

Vậy thì trong giòng sáu chữ ấy có mấy người Chàm ?

Ông Georges Maspéro không giúp tôi được điều gì. Vì ông tự tiện thêm một chữ Nô nữa rồi bảo :

« Quý Lai sai bầy tôi là Chế Cựu Ma Nô và Nô Bà By dâng biểu xin hàng » (Quý Lai ordonne à ses sujets Chế Cựu Ma Nô et Nô Bà By de présenter à la Cour d'Annam un placet faisant acte de soumission « Le Royaume de Champs » trang 232).

Tôi không hiểu nhà sử học ấy dẫn bằng vào tài liệu nào và lý lẽ gì để viết như thế, hay là ông cho rằng sáu chữ chưa đủ rắc rối, nên thêm vào một chữ nữa chơi !

Đọc sử một nước nào, nếu gặp những đoạn lôi thôi (như việc nầy chẳng hạn), thì nhiều khi tìm trong sử các nước lân cận, họa may thấy được đôi chút ánh sáng nào chăng. Nhưng sử Tàu (Minh sử, liệt truyện, cuốn 324) thì, về việc ấy, chép quá sơ lược. Còn sử Chàm ? lại càng vô ích nữa : người ta thường bảo một dân tộc sung sướng không có lịch sử, nhưng một nước quá đau khổ như nước Chàm hồi bấy giờ thì lại quên mất lịch sử của mình ! Vậy chỉ còn một cách là gắng mà hiểu sử ta vậy.

Về phần tôi thì tôi nghĩ như thế nầy : theo người mình Ôn, Ma, Trà, Chế là bốn họ chàm. Vậy thì trong giòng sáu chữ ấy ta thấy hai người là Chế Cựu và Ma Nô Bà By.

Bấy lâu tôi vẫn cho ngắt như thế là đúng nhưng đến khi viết bài nầy tôi lại đâm ra nghi ngờ. Sở dĩ tôi nghi là vì các lý do sau nầy :

1°) — Người mình bảo Ma là họ chàm, đã đành ; nhưng cũng có khi người mình viết Ma là tên chàm hoặc một âm của tên chàm. Thì sử ta đã chẳng chép tên một người con trai của Chế Bồng Nga là Chế Ma Nô Đa Nan đó sao ? (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư quyển 8 tờ 19 a, Cương mục quyển 11 tờ 14 b). Như thế thì trong giòng sáu chữ nói trên kia có thể có hai người là Chế Cựu Ma Nô và Bà By. Chữ Bà cũng có thể là họ Chàm : sử cũ đã chép một ông vua Chàm tên là Bà Mỹ Thuế (làm vua vào khoảng cuối thế kỷ thứ 10) và một người Chàm tên là Bà Thái (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư quyển 12 tờ 63, Cương Mục q. 22, tờ 8 b) Bà ma chép trại ra thành

Bà, hoặc Bà chép trại thành Ba, điều ấy có thể lắm. Các cụ xưa nghe người Chàm gọi nhau rồi phiên âm ra chữ Hán, miễn nghe hơi giống chứ làm thế nào cho thực đúng được?

2. — Nhưng phân-tách theo hai cách vừa nói trên kia thì xem không được cân-cái lắm. Các bạn thử đọc kỹ xem: Chế-Cựu-Ma-Nô, Bà By hoặc Chế-Cựu Ma-Nô-Bà By. Hay là có là trảy ba người: Chế-Cựu, Ma-Nô và Ba By?

3. — Hay là chỉ có một người (7) là Chế-Cựu-Ma Nô-Ba-By? Tiếng chàm vốn đơn-âm, các cụ ta phiên ra thành chữ Hán phải viết nhiều chữ mới được. Theo các bia chàm mà các nhà khảo-cổ đã dịch ra thì tên chàm rất dài, như kiểu thế vầy: Jaya Indravarman, Parameçvaravarman v.. v...

* * *

Xem như trên thì thấy việc ngắt câu sách chữ Hán cũng có lắm trường-hợp khó khăn nhất là khi gặp tên người tên đất. Sử của ta, tuy là những tài-liệu rất quý nhưng tựu-trung còn nhiều nghi-đồm, nhiều chỗ chép sai (8). Nay, vì một lẽ gì (như ngắt câu không đúng theo ý tác-giả chẳng hạn), ta lại dịch sai một lần nữa. Như thế thì sai nọ chồng trên tiếp với lầm kia người dịch sẽ đưa độc-giả đi xa xa sự-thực. Vì vậy nên việc dịch sử ký sự cần phải thận-trọng lắm vậy.

Mãn Khánh DƯƠNG-KỲ

---

5) Kể ra, vì không nhận rõ nghĩa câu văn chữ Hán, nên ông Maspéro còn viết sai nhiều nữa. Có chỗ ông Maspéro vô-tình giữa cái lầm của mình dưới một cách hành-văn rất khéo, nên lại càng ngay-hiểm cho độc-giả hơn nữa. Thuật trận Chế-Bồng-Nga đi đường núi ra đánh ở Quảng-Oai, trong năm 1383 (Xương-Phù thứ 7), ông Maspero viết: « Le vieil Empereur, affolé, envoie Lê-Mật-Ôn à la rencontre de l'ennemi. En vain ce général, à la bataille de Tam kỳ-châu répartit ses hommes en carrés égaux. Chế Bồng-Nga, lorsqu'à la nuit il précipite sur eux ses éléphants qui les foulent aux pieds et en font un affreuse carnage » (Le Royaume de Champa, trang 214).

Đọc đoạn văn hay như thế, « sống » (vivant) như thế, thì chắc các bạn không khỏi tưởng tượng Lê Mạt-Ôn hết sức trổ tài, điều linh thành hình vuông để chống với quân Chàm.

Nhưng theo sử ta (mà ông Maspéro đã dùng làm tài-liệu) thì có phải thế đâu! Cương-Mục quyển 10 tờ 51 viết như thế này: « Mật Ôn chỉ Tam kỳ-châu phương liệt trận đối cự, tốt phục khởi » (Mật Ôn đến Tam kỳ-châu vừa liệt trận để đối-cự, tốt thình-lình phục binh của giặc đến...). Phương đây nghĩa là vừa, chứ có nhải nghĩa là vuông đâu. Thế mà ông Maspéro bảo Lê-Mạt-Ôn giàn binh thành từng hình vuông, rồi lại viết thêm các hình vuông ấy đều nhau (carrés égaux)! Muốn nói Lê-Mạt-Ôn giàn binh thành hình vuông thì sử thần ta viết: liệt phương trận, chứ đời nào lại viết: phương liệt trận bao giờ. Có lẽ đọc đến đoạn ấy trong sử ta, ông Maspero nhớ đến trận waterloo cầm lòng không được, vội hạ hai chữ « carrés égaux » chăng?

Người xưa đã dạy: Hoàn-toàn tin vào sách, chẳng bằng không có sách », thực là chí-lý.

6) Đại-Việt-Sử Ký-Toàn-Thư viết: «... sai kỳ thần Chế Cựu Ma Thúc Bà By đẳng... »

7) Trong sách Tàu cũng như trong sách ta viết bằng chữ Hán, có khi muốn nói một bọn nhiều người, nhưng chỉ viết tên người quan-trọng nhất rồi thêm một chữ đẳng nữa. Ví như: « Kinh-điền quan Trần-Phong đẳng » (Đại-Việt-Sử-Ký Toàn-Thư », quyển 12 tờ 1 b).

8) Không kể đời nghi-điểm khó giải-quyết cho xong, sử ta còn chép sai nhiều chỗ. Xin kể một chuyện làm ví-dụ: là số quân mà vua Lê Thánh-Tông đã thân xuất ngày mồng 7 tháng hạ năm Hồng-Đức thứ 2 (1471) kem ra hai cửa Tân-Yêm và Cựu Lũy vào đánh Chiêm-thành.

Đại-Việt Sử Ký Toàn-Thư, quyển 12 ở 26 b chép rằng ngày ấy vua Lê Thánh-Tông thân-xuất hơn 700.000 binh sĩ (tinh binh thất thập du vạn) sau khi đã sai:

1. — Lê Ky Cát, Hoàng Nhơn Thiêm, Lê Thế, Trịnh văn Sái đem 30.000 binh vượt bể vào đổ bộ ở Sa Kỳ nhằm đón chặn đường về của địch quân.

2. — Nguyễn Tức Trang đem bộ-binh (không chép số nhiều người) đi lên đường núi tiến vào, gặp hiểu lực cùng hai đạo quân kia mà đánh bình Chàm.

Rồi mới gần đây Ô Châu Thiên (quyển « Lê Thánh-Tông », trang 127) cũng theo đúng ngay (đã mà bao vua Lê Thánh-Tông, hôm ấy, đã đi 700.000 binh.

Tôi tương-đối số 70 vạn binh ấy là chép sai, hoặc thợ khắc lộn.

Theo các số binh lính phân bày như đã thấy trên kia, thì tổng số quân Đại-Việt khi ấy giờ có hơn một triệu (700.000 30.000), chưa kể bộ binh do Nguyễn Tức Trang chỉ huy. Những chính trong bộ Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư ấy, cách vài trang trước ta thấy tổng số binh lính nhà Vua đã đem từ Đông Kinh vào chỉ có 250.000 người thôi: hai tướng Đinh-Lễ, Lê-Niệm đem đi trước 100.000 người, rồi đến nhà Vua kéo theo sau 150.000 người. Vậy thì quân thân Quảng Nam bấy giờ, nhà Vua lấy thêm binh ở đâu cho đủ con số hơn 1.000.000 người như đã thấy trên kia? Dù bảo rằng nhà Vua có lấy thêm binh ở Thuận-Hoá nữa thì cũng quyết không thể nào có được tổng-số hơn một triệu người.

Vậy có lẽ hôm ấy nhà Vua chỉ thân suất số 70.000 binh thôi.

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 5)

Diễn, đánh nhau với giặc, được to: Giác chạy trốn sang Chiêm thành, cần dư đảng thì xin hàng.

Ngoài ra, có việc động Mã sa: « Lúc bấy giờ động Mã sa (nay là phần Đà bắc, thuộc Hưng hóa) không xưng thần phụng cống. Lý nhân Tông tự làm tướng đi đánh, sai đóng hai cái tì uyển gọi là *Cảnh hưng* và *Thanh lan*, lại sai các quân đóng chiến thuyền, sắm sửa binh giáp. Tháng mười năm kỷ hợi (1119) vua ra quân chọn người khỏe mạnh trong các quân Võ tiệp và Vũ lâm sung vào các quân Ngọc giai, Hưng thánh, Phù nhật, Quảng thánh, Võ đô, Ngự long. Người thượng đẳng bổ làm hỏa đầu (đại loại như đội trưởng), hạ đẳng cho làm lính. Rồi họp tất cả các quân thề ở Long trì (sân trước điện Thiên an) để tỏ nghĩa khi lúc ra quân. Vua ban khí giới cho tướng sĩ ngự thuyền *Cảnh hưng* để thân đốc sáu quân thiên lữ đời ra được dùng sau quân mỗi quân 2.500 người, bắt đầu từ bờ Thiên thu (không rõ nay ở đâu) tiến lên đánh trống reo hò: quân sĩ hăng hái bội phần. Tới động Mã sa, đánh một trận kịch liệt, bắt sống được bọn Ngụy Bàng (là động trưởng) đến vài trăm người sai chiêu dụ các dân về an cư lạc nghiệp. Xong rồi thu quân về. Tháng mười hai về đến cung đình những người bắt sống được nhà Thái miếu, khao thưởng tướng sĩ, ban cho tiền lụa có thứ tự (*K.đ.v.s.*, q.4, tờ 10 a-b)

« Mùa xuân năm quý hợi (1083). Vua thân chọn những người hoàng nam (từ 18 tuổi trở lên) khoẻ mạnh, chia làm ba bậc. (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 5, tờ 11 a)

« Tháng giêng năm Mậu tuất (1118) lại tuyển những người hoàng-nam ở dân làm lính ». Tháng ba, định danh hiệu cấm quân, chọn những người đại hoàng-nam (20 tuổi) khoẻ mạnh được ba trăm năm mươi người sung vào các quân Ngọc-giai, Hưng-thánh, Võ đô và Ngự long; cấm đây tớ đứa ở ăn gian, không được chạm mực ở cổ như lối lính cấm quân và chạm những hình con rồng ở mình người. (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 9 a và *Đại-Việt sử ký toàn-thư*, q. 3, tờ 18b và 19a)

Đối với việc hình, Lý Nhân-tông là bậc khoan nhân đại độ. Năm mới coi chấp ở điện Thiên-an năm (1072) đã ba tù ở phủ Đô hộ » (*Đại-Việt sử ký toàn-thư* q 3, tờ 6 b) Năm đinh-sửu (1097) xuống chiếu cho các quan kiểm xét lại và so sánh các cổ điển và điều lệ, biên chép để thi hành, gọi là *Hội-điển* (*Khâm-định Việt sử* q 4, tờ 2 a). Năm đinh-dậu (1117) xuống chiếu rằng những kẻ ăn trộm trâu làm chết, xử tội tăm mươi trượng, đồ làm lính, vợ cũng xử tăm mươi trượng, đồ làm người đày bà nhà tăm, cùng nhau phải đền cho người mất trâu; hàng giềng không cáo tố cũng xử tăm mươi trượng (*Đại Việt sử-ký toàn thư*, q. 3, tờ 17 b). Nhìn xem việc ăn trộm một con trâu mà cả hai vợ chồng và láng giềng cùng bị tội, thì lấy gì làm nhân từ! Nhưng đó là việc khuyến nông, và luật trộm trâu có lẽ đời xưa nặng hơn: xem như triều ta có luật con nhà ăn trộm trâu không được đi thi, thì đủ rõ.

Tháng tư năm quí-mão (1123) có lệnh cấm giết trâu. « Vua xuống hiếu rằng: con trâu làm việc cày cấy rất trọng, có lợi cho người ta không ít, từ nay về sau cứ ba nhà làm một « bảo » (tựa như một xóm), vô cố không được giết trâu ăn thịt. Nếu trái lệnh thì đưa ra hình-hiến trị tội (*Khâm định Việt sử* q. 4, tờ 12 a).

Tháng tư năm nhâm-dần (1122) Vua cho bọn Lý-Phụng hai mươi người làm ngục-lại (chức quan coi việc hình án) để xét những giấy tờ kiện tụng của dân gian, (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 21 a).

Năm ất-tỵ (1125) xuống chiếu rằng: Phàm đánh người ta chết thì phải tội một trăm trượng, chạm vào mặt năm mươi chữ, đồ làm lính (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư* q. 3, tờ 24 a).

Tháng giêng năm sau (1126) mở hội quảng-chiếu-đàng bảy đêm ngày cho tội-nhân ở phủ Đô-hộ (*Đại Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 24 a).

Xem hai việc dưới này lại thấy rõ lòng nhân từ của Lý Nhân-tông. Một là việc Lê văn Thịnh hóa hổ Nguyễn Lê văn Thịnh cố nuôi người nước Đại-lý làm gia nô, tên này có kỹ-thuật nhân thế

Văn-Thịnh học được phép, định mưu thoán thí. Gặp lúc bấy giờ (tháng ba năm bính-tý 1096) Vua Lý Nhân-tông đi chơi Dâm-đàm (Hồ Tây), bơi chiếc thuyền con xem đánh cá. Chợt nổi lên mấy mù, trong chỗ mù đến nghe tiếng chèo thuyền đi tới sát thuyền vua: vua cầm dáo ném, một lát thì mây mù tan hết, trong thuyền có con hổ, mọi người đều sợ lắm thất sắc. Duy một người thuyền chài tên là Ly Thận cầm lưới văng lên cổ hổ trói ra, thái sư Lê văn-Thịnh l Vua ngài là bậc đại thần có công, không nỡ giết đày ra đầu trại Thao-giang (nay ở phía bắc huyện Tam-nông, tỉnh Hưng-hóa) rồi thưởng cho Mục-Thận được quan chức và của cải, cho đất Tây-hồ làm ấp ăn lộc (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4 tờ 1 b và 2 a và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q 2, tờ 13 a).

Hai là chuyện Mạc-Hiển: Nguyên tháng chạp năm giáp-thìn (1124) tiết-độ-sứ châu Quảng-ngu ở là Mạc-Hiển đem bộ-thuộc đồ-đảng sang trốn ở Cống động thuộc châu Ung nhà Tống. Đến tháng giêng năm sau (1125) người châu Ung bắt bọn Mạc-Hiển rồi viết giấy sang nước ta, bảo đến Giang-nam sẽ giao giả. Vua sai chứng thủ ở phủ Phú-lương là trung-thư Lý Hiến đến Giang nam nhận, rồi giải về kinh đầy Mạc-Hiển và châu Nghệ-an; vợ con đều sung vào nô-tỳ nhà quan (*Đại Việt sử ký toàn-thư*, q. 3, tờ 23 a-b). Nhưng hai người ấy là tội đáng chết, mà vua đều tha, thì biết vua có độ-lượng khoan-hồng.

Đối với sự cấy gặt, vua biết là dân khó phục khổ sở cho nên đến năm nhâm-thân (1092) được mùa, mới định việc thu thuế ruộng mỗi mẫu ba thăng (độ một phần mười đấu) để giúp quân-lương; năm ất-hợi (1095) đại hạn, thì tha thuế ruộng. Năm đinh dậu, (1117) vua ngự hành cung Ứng phu giang phủ Nghĩa-hưng thuộc tỉnh Nam-định) xem dân cấy, từ năm ấy trở đi mỗi năm một lần vua đi xem dân cấy và xem gặt. Năm quý-mão (1123) được mùa, tháng mười vua ngự Ứng-phong xem dân gặt, đến tháng mười một về cung: ấy phải về Nho, Đạo Thích đều dâng thơ mừng (*Khâm-định Việt sử*, q 4, tờ 1 a-b tờ 7 a và tờ 12 a).

Ngoài việc văn, võ, binh, hình, dân-chính, còn có việc quan chế. «Tháng ba năm kỷ-tỵ (1089) định danh-hiệu các quan văn võ và các chức tùng-quan tạp-lưu. *Lịch triều hiến chương, Quan-chức chí* chép rằng. Quan chế nhà Lý đại-khái văn ở tiền có chín bậc, lý thái-sư, thái-phó, thái-bảo, thiếu sư, thiếu-phó, thiếu-bảo, thái-úy, thiếu úy, nội-thành-điện đô-tri-sự, ngoại-thành-điện đô-tri-sự kiêm-hiệu binh chương-sự, là đại-thần trọng chức về văn võ. Văn ban thì có chức thượng-thư tả-hữu, tả-tham-tri, hữu-tham-tri, tả-gián-nghị, hữu gián nghị, trung-thư thị-lang, bộ-thị-lang, tả hữu tự lang-trung thượng thư-sảnh viên ngoại-lang, đông tây táp-môn-tử, tả hữu phúc-tâm, nội-thường-thị, phủ sĩ-sư, điện học sĩ, hàn-lâm học-sĩ, vệ đại-phu, chự-hồi thư-giả, thừa-trực-lang, thừa-tín-lang đều là chức quan trong kinh. Có ngoại phủ, phân-phủ, tri-châu là các quan văn ở ngoài. Võ ban thì có chức đô-thống, nguyên-soái tổng quản, xu-mật-sứ, xu-mật tả hữu tả hữu kim-ngô, thượng-tướng, đại-tướng, đô-tướng tướng quân cấm vệ chỉ-huy-sứ, võ-vệ hỏa-đầu và các binh-tập võ-tiệp, võ lâm, đều là nội chức. Lại có những chức quan binh trấn-thủ ở các lộ, trấn, trại, đều là ngoại chức. Còn phẩm trật cao thấp thế nào thì không được rõ. Chư hồa thư-gia là tên chức quan, như chức nội-hoả thư gia, chi-hậu thư-gia nội thư-gia, lệnh thư-gia v. v. còn chư hồa thì không rõ. Tướng-quân các vệ là Oai-vệ, Kiêu-vệ, Định-thắng vệ, v. v.» (*Khâm-định Việt sử*, q. 3, tờ 46 b 47 b).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu đề định chính

(*Tiếp theo trang 13*)

Danh hoa hàn cố cảnh,
Kiều-điểu phạ kinh nhân.
Tự phận bạn minh nguyệt,
Thùy tư tế hảo xuân.
Tòng phu vạn hữu mỹ,
Nhất ngôn dĩ chung thân,

nghĩa là:

«Người con gái như mùa xuân. Nhà em nhận được lời rằng, Như danh-hoa mừng trông thấy hồng, như chim non sợ gặp phải người. Tự phận làm bạn với gió sáng, ai nghĩ gặp được buổi xuân tốt. Đạo tòng phu là một việc tốt, một lời đã hứa họ «chung thân». Ngâm rồi, viết vào lụa trắng, định gửi cho Kim Trọng, không biết rằng có gửi được đến Kim-Trọng hay không». Xem hồi sau sẽ rõ: (Trích theo *Kim-Vân-Kiều chuyện* Tuân-tâm lão-nhân biên, bản sao trường Bác-cổ, số A. 958, q. 1, tờ 17 b đến 23 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Chung quanh việc khởi nghĩa Bãi-sậy

MỘT ÁN «THÔNG PHỈ»

Kính Tiên-Linh Đường bà phụ
Tương Nguyên tiên-sinh

Các bạn còn nhớ cách đây vài chục năm, trong thời kỳ quân Pháp mới chiếm đóng, có nổi lên cuộc quật-khởi do những văn thân trong nước đứng ra sướng nghĩa, nhưng tiếc thay những công cuộc ấy chỉ như ngọn lửa bùng cháy rồi lại vụt tắt ngay mà những bậc anh hùng hoặc hữu danh hay vô danh đều bị thời gian làm che lấp sự-nghiệp.

Tôi, lúc thơ ấu được theo hầu Gia-tiên nghiêm ở ly sở Hưng-yên là nơi có cuộc khởi nghĩa Bãi sậy thời gian qua tuy nay đã hơn 80 năm, việc cũ còn nhớ, nay cầm bút chép kể lại một chuyện trong trăm nghìn truyện, không giám tự cho là sử-liệu, nhưng chỉ là cái « vang bóng » một thời đáng ghi nhớ.

Câu truyện dưới đây có thực: nhân-vật trong truyện cũng có người còn sống nên chưa tiện nói rõ tên, mong bạn đọc lượng thứ.

T. Đ.

KHOẢNG niên-hiệu Thành-thái, ở Hưng yên có bọn ông Tán Thuật sướng nghĩa Cần Vương trống lại quân Pháp, lấy Bãi sậy làm nơi hành binh, đất đã hiểm, binh lại tài, nên quân Pháp và cả lính tập ta khó bề thủ thắng.

Không biết nghĩ làm sao, chính phủ Pháp ở Bắc kỳ lấy nghĩa Triều đình, cử một quan Tổng phủ sứ ra đẹp.

Quan Tổng phủ đến Hưng yên với cả « đại bản doanh » của ngài; nhưng vì không biết bình ông Tán Thuật ở đâu, ngài được kiêm cả chức « Tuần-phủ tỉnh ấy, nói là kiêm vì trong những lời sức cho các nha môn thấy có đóng ấn: « Hưng yên tuần phủ quan phòng » và ít khi thấy đóng ấn « Tổng phủ ».

Lúc ấy, Hưng thành vẫn yên-ổn quan lại nhàn rỗi, nên tuy trong dinh quan Tiểu phủ vẫn nhiều bộ-hạ ra vào tấp nập như có việc quân tình khẩn cấp mà thực ra tiếng trống bát trèo kéo giải mã đến khuya; lúc ấy, cũng là lúc trong trại: đèn hoa lòng lánh, khói thuốc thơm tho, lính cũng như quan vô sự hưởng những phút êm ái, say sưa, quan cũng nhờ ông Tán không xuất hiện mà tận thưởng bản trò « Trương Viên » hay « Lưu Bình Dương Lễ » diễn đến năm, bảy bận.

Nhưng, không phải quan Tổng không làm việc; thời thường ngài đã giao riêng cho một viên bát phẩm cái trọng trách do thám « đăng gậc », ông bát này chẳng làm việc cũng mẫn-cán lắm nên thỉnh thoảng lại có một vụ lánh quyết ở Bần Yên Nhân và sau mỗi vụ sử trảm ấy, dân Hưng thành vẫn tự-hỏi « gậc » ở đâu ra mà nhiều thế!

***

Gần tỉnh lỵ có một huyện nhỏ, viên tri huyện đỗ cử nhân khoa Ngọ xuất thân, tuổi trạc ngoài ba mươi.

Con nhà thế-phiệt đất Bắc, tính tình đạm bạc, thanh-liêm, từ khi đào-nhâm, tuy ngày ngày không được rảnh gẫy đàn cầm như viên lệnh doãn kia bên Tầu, song cả ngày không có dân sự vào hầu, vì dân vẫn ở yên.

Giáp hoặc có đám chè chồng thì ngài gọi hai bên lấy nghĩa lý đoàn tụ, dám đánh nhau thì giàn hòa, bầu bán không cho tranh dành, tuổi ngài càng nhẹ, danh ngài càng cao, hạt hạ xa gần đều mến, trọng.

Khi ra công-đường, ít khi quan phải giở quyển « Hoàng việt luật lệ » mà chỉ xem « Đường thi hợp tuyển », còn nha, lại không bầu chữ chỉ được gọi lên hầu thơ hay hỏi-han công việc làm ăn hằng ngày trong hạt.

Một buổi đầu xuân, tiết giời ấm ả, ngày mồng bảy vừa xong lễ hạ nêu, quan huyện khăn áo tề-chỉnh ra công đường, nha lại lên chào mừng, rồi giữa quan, nha, trong làn khói trà thơm quyện với mùi hoa thủy-tiên rỏ trong chậu gia lương kê gần đấy, người ta được nghe một câu truyện xuân tươi :

— Này, ông thông (thông-lại) cái lập thủy-tiên tôi lấy của chú Vĩnh Hợp dưới tỉnh, hồ cuối năm, lúc gọt toàn kép cả, được hai củ may hàm-tiếu hôm giao-thừa, ngoài nhà, ông có củ nào kịp không?

— Bẩm quan lớn, con được ba củ đơn đẹp ấm! mai kia bên đình Thiện-phiến thi hoa, con định gọt nốt mấy củ quan lớn cho trong năm...

— Tôi tưởng không gì đẹp bằng thủy-tiên, khi tôi còn học trò đã có lần cụ Đốc Bắc giậy học bắt vịnh hoa ấy, nhưng bằng nôm, trong ban đồng học có người ứng khẩu đọc hai câu, tôi còn nhớ...

Rồi bằng giọng trầm-trầm, quan sẽ ngâm :

Chơi hoa trải mấy xuân thu
Phẩm tiên thanh-lịch dễ hồ có hai

Quan đang cao hứng, một tên lính lên bẩm :

— Bẩm quan lớn! có ông bát trên tỉnh xuống... có việc quan...

Hơi câu mấy vì như đã hầu, ngài truyền :

— Ra, mời ông Bát vào trong này!

Tên lệ trở ra, ông Bát đã rón-rẹc lên trên, quan huyện vội chạy ra đón chào, nhường-nhở mời ngồi, sai nha trà, rồi hỏi :

— Năm sớm! quan huyện về có việc gì thế!?

— Có việc quan rất cần! Cụ Lớn có giấy sức đây, quan lớn cứ đọc sẽ hiểu

Vừa nói, vừa mở tôi lấy giấy đưa cho ông huyện.

Quan huyện hai tay tiếp sức, xem một lượt, sẽ gập lại, nét mặt như suy nghĩ rồi :

— Có lẽ nào thế được! những tên cụ lớn truyền kể đó trong tờ này toàn là người tai mặt, danh giá lẫy lừng - thiện trong hạt tôi cả..

— Cái đó tôi cũng không rõ! quan lớn thử cho đòi lên xem sao!

— Vâng, tôi xin tuân nhời quan huynh, nhưng quan huynh ở tỉnh về chắc chưa dùng cơm sáng, chả mấy khi... chưa kịp nói hết, ông Bát cướp nhời.

— Tôi vội đi ngay, nào đã cơm nước gì đâu!

— Chả mấy khi, quan huynh đến tệ-ấp, xin nghỉ chơi vài hôm, cho tôi sẽ xong việc này..

— Cái đó đã bẩm! Cụ Lớn truyền ở phải ở lại xem quan lớn đàm bỏ thế nào, còn về trình cơ mà!

***

Một bài(1) của quan huyện đi trong một ngày, sáng hôm sau trong khi quan ngồi ngoài công-đường, uống nước với ông Bát, lính vào trình có mấy ông Cử, Tú trong hạt tiếp trát lên hầu

Quan truyền cho vào. Các văn thân hàng huyện lễ phép bước lên thềm.. rồi chào quan phụ-mẫu, ngài vui vẻ [illegible], rồi một tay chỉ ông Bát [illegible] luôn nhưng bằng một giọng [illegible] ngượng :

— Hôm [illegible] cho mời các ngài lên nhà [illegible] lấy tỉnh sức mấy ngài [illegible] vào việc Bãi sậy. có quan Bát [illegible] nhà cụ Lớn Tổng phủ.

Nó đến đó [illegible] huyện ngừng, nhìn các ông cử [illegible]; mấy ông này ngơ ngác [illegible] ai cũng bối sắc mặt, có [illegible] cuối cùng sau cùng ông cử [illegible] đứng lên chắp tay nói :

— Bẩm hai quan! ảnh em chúng tôi đều là người đọc sách, biết trọng kỷ-cương sợ phép nước, khi nào giám làm điều phi pháp

Ông Bát đang cầm chén nước, đặt xuống kỷ ngài ngay :

— Đành vậy! nhưng nay có đưa giấy với cụ Lớn, các ông « thông phải », không tin các ông hỏi quan huyện mà xem, có giấy về đấy!

Nói rứt lời đưa mắt cho quan huyện, quan huyện vội lấy giấy trao cho ông cử, ông này đọc qua một lượt, truyền tay cho mấy ông bên cạnh, rồi cả ô người đều khiếp sợ vì trong giấy nói rõ ràng, chỉ đi hai ngày, tháng đi lại với « giặc ».

(còn nữa)

TIỀN-ĐÀM

1) Lấy đũa bài gỗ sơn phấn rồi viết chữ vào

Muốn làm giàu mua vé số

Dòng Dương

2$00 một vé

Vào [illegible]

[illegible] D. D [illegible] có đủ [illegible] khác [illegible] Pháp [illegible] nhất [illegible] hành lời hứa [illegible] giấy bạc:

« Có thể trả bằng thực-chất cho người mang ». (1)

Bên nào cũng có lý, kiện nhau đến bên Tây.

Kết-cục D. D. N. H. thắng, vì những lẽ sau này:

Chính-phủ đã giao quyền phát-hành giấy bạc cho D. D. N. H, đã bắt buộc D. D. N. H. phải có một số vốn (thực-chất) để đảm-bảo những giấy bạc phát-hành, lại đã bắt buộc D. D. N. H. phải góp một món thuế [illegible] giấy bạc phát-hành, vẫn để D. D. N. H. cho vay nhiều [illegible] nhẹ (1/.) [illegible] ấy không [illegible] giấy bạc [illegible] phải thu về để [illegible] không.

Ngân-hàng [illegible] lòng đóng [illegible] vay là bởi [illegible] rằng:

— Vốn [illegible] đảm-bảo [illegible] là một số tiền hầm lặc [illegible] tủ-sắt, một số tiền « chế [illegible]

— vốn ấy có thể [illegible] được tự-do, phải [illegible] thuế và để [illegible] cho chí [illegible]

— Nếu ngày [illegible] cũng đòi đến [illegible] những quyền [illegible] gì, lại còn là [illegible] tốn kém nữa (tiền [illegible] công...)

— bởi những lẽ nói trên [illegible] mang giấy bạc vẫn là chủ [illegible] ngân-hàng phát-hành, có [illegible] phủ thừa nhận làm bảo-lịnh và chịu liên đới bồi thường những món nợ (mà giấy bạc là văn khế) — nhưng không bao giờ có quyền đem văn khế đến đòi nợ ngân-hàng.

Giấy bạc là những món nợ ta cho ngân-hàng phát-hành vay, có văn-khế, nhưng không có hạn trả. Căn tiền, ta cứ luân-chuyển văn-khế cho nhau (bất tất phải « đánh chữ lưu »).

Ngân-hàng phát-hành hứa trả, nên mới có chữ: « có thể trả lại bằng thực-chất cho người mang ». Lời hứa đó không phải là một lời phù phiếm. Lời hứa đó có ngữ đúng [illegible] ở $ mới [illegible] ngân-hàng phát-hành [illegible] vượng. Ngân-hàng hết sức hứa vì đó là điều [illegible] của ngân-hàng. Nhưng [illegible] hàng phải luôn luôn dùng [illegible] để trả cho công-chúng, [illegible] phát hành thật là một [illegible]

***

Phản ảnh của vụ kiện [illegible] là những giấy bạc in sau [illegible] 0 không còn mang những chữ [illegible] payables en espèces au porteur » [illegible] sắc lệnh của chính-phủ Pháp. [illegible] phép D. D. N. H. bỏ hẳn [illegible] ng chữ ấy trên giấy bạc.

[illegible] đến này, chỉ còn bốn thứ giấy [illegible] còn mang những chữ ấy. Đó [illegible] những thứ giấy in trước năm [illegible] 0, phát-hành từ trước, hoặc [illegible] khoảng năm 1934 trở lên:

[illegible] giấy 100$, có hình vẽ tranh đồng,

[illegible] giấy 20$, khổ rộng, giấy mỏng [illegible] hình vẽ nữ thần thương-[illegible] ệp

— giấy 5$, có hình vẽ con công,

— giấy 1$, khổ nhỏn.

Trong 4 thứ giấy bạc này, hạng « cỉ h đồng » đang còn nhiều. Ba thứ dưới đã nhàu nát, còn rất ít.

Đừng ai ngộ-nhận rằng những thứ giấy này quí hơn những thứ giấy mới. Đang còn D. D. N. H. đang còn tài sản của D. D. N. H. đang còn một chính-phủ kềm sát D. D. N. H. để đợi đến ngày thanh-toán với D. D. N. H., nghĩa là để đợi ngày Chính-phủ Việt-nam độc-lập lấy lại quyền phát-hành giấy bạc, thu lại cho toàn quốc thực-chất của số giấy bạc D. D. N. H. đã phát hành — đang còn hy-vọng ấy, thì giấy bạc nào cũng đều có giá.

NGÔ-CÔNG

---

1) « Payables en espèces au porteur »

2) Thực-chất không trả lại cho công-chúng, nhưng — lúc nhà quyền phát-hành — phải trả lại cho chính phủ. Quyền ấy có thể kể là đã hết, từ ngày Hoàng-đế Việt-nam quyền-bỏ bãi bỏ những hiệp-ước giữa Việt-nam và Pháp. $ đông-dương đang [illegible] trong thời-kỳ chờ đợi để được thanh-toán.

Chủ-nhiệm [illegible]

HÓA: Do nghị định ngày [illegible] ông-Phương [illegible] năm 1941

[illegible] số 95—97 Chanceaulme, Hanoi